

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HN&GD-ST

Ngày: 03 - 9 - 2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường.

2. Ông Hà Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HN&GD, ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HN&GD, ngày 22 tháng 7 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HN&GD ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1984, CMND số: 261534719;

Nơi cư trú: Số nhà XX, đường số XX, thôn XB, xã TT, huyện DL, tỉnh BT.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Thanh Hi, sinh năm: 1982, CMND số: 261120181;

Nơi cư trú: Tổ 10, thôn XB, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” lập ngày 10/02/2020, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của chị Trần Thị H thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Thanh Hi tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh BT, số giấy chứng nhận kết hôn: 35/KH, quyền số: 01/04, đăng ký ngày 16/8/2004. Trong quá trình chung sống, đến năm 2017 giữa chị và anh Hi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Hi không còn biết quan tâm đến gia đình, vợ, con nữa. Anh Hi đã đi ra ngoài sống với người phụ nữ khác có con riêng với họ, thưa vắng chuyện trở về nhà. Từ đó chị và anh Hi đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Hi nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hi

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Hi có với nhau 03 người con chung tên:

Mai Thị T H, sinh ngày 09/10/2001.

Mai Quốc Hg, sinh ngày 05/02/2003.

Mai Quang Hy, sinh ngày 27/09/2004.

Ban đầu chị yêu cầu giải quyết quyền được trực tiếp nuôi các người con chưa đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Hi phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng do nhận thấy các con của chị cũng đã lớn, sắp đến tuổi trưởng thành nên ngày 17/02/2020 chị đã có đơn rút một phần khởi kiện đối với yêu cầu tranh chấp quyền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Mai Thanh Hi đã không hợp tác, không tham gia tố tụng. Qua nhiều lần xác minh, xác định được anh Mai Thanh Hi hiện đang có hộ khẩu thường trú tại tổ 10, thôn XB, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh BT. Tuy nhiên anh Hi thường xuyên không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, Chị Trần Thị H không còn tình cảm cũng như không muốn tiếp tục sống chung với anh Mai Thanh Hi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục hòa hợp, hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 10/02/2020, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp về Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Hòa vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, là trường hợp được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Mai Thanh Hi có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2004, tại UBND xã TT. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Hi có mối quan hệ bên ngoài, không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ, con như trước nữa, cho nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, trong thời gian đó chị H, anh Hi không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống riêng của mình. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau nhưng anh Hi không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Hiện chị H đã xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh Hi nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hi. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H với anh Hi đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần vụ án.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H là người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Mai Thanh Hi là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị H thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu về quyền trực tiếp nuôi con chung.
- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H ly hôn anh Mai Thanh Hi.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003361, ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú. (đã giải thích).

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Trà Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Đức